

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 6

Phần thứ 4: NHẬP TƯỚNG CỦA ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC

Luận nói: “Như vậy đã nói về tướng của đối tượng nhận thức , nhập tướng của đối tượng nhận thức làm sao để thấy? Nơi dựa của đa văn huân tập không phải chỗ gồm thâu của thức A-lại-da, nếu như thức A-lại-da thành chủng tử, thì chỗ thâu tóm của tác ý như lý về tợ pháp tợ nghĩa mà sinh, tợ chỗ giữ lấy sự việc nơi ý ngôn hữu kiến”.

Giải thích: Bồ-tát đã tu tập nghiệp như vậy rồi, là tướng mà người nhập hiện quá phải biết. Bây giờ sẽ nói rõ. “Nơi dựa của huân tập đa văn”, là đối với Đại thừa mà khởi đa văn, nghe pháp nghĩa rồi huân vào nơi dựa tướng tục của tâm, tâm pháp, người nghe ít thì không được nhập quán ấy. Như trong kinh Bạc-già-phạm giáo thọ tôn giả La-hổ-la, La-hổ-la nói: “Cúi mong Thế Tôn dạy cho con hiện quán”. Thế tôn bảo: “Con đã thọ trì chánh pháp tạng chưa”? La-hổ-la nói: “Bạch Thế Tôn! Chưa”. Thế tôn bảo: “Con bây giờ phải thọ trì pháp tạng”!

“Không phải chỗ gồm thâu của thức A-lại-da” là chỗ dựa của đa văn huân tập này từ pháp giới tối thanh tịnh lưu xuất, đối trị chủng tử kia, không phải tánh của chủng tử ấy thâu tóm chỗ trái nhau. “Nếu như thức A-lại-da thành chủng tử” là như thức A-lại-da có khả năng trở thành nhân của tất cả pháp tạp nhiễm thì tánh chỗ dựa này có thể làm nhân của tất cả pháp thanh tịnh, chỉ có tánh nhân đồng nên được làm thí dụ, không phải nhất thiết chủng. Như có tụng nói:

*Vì muốn lợi ích thường phóng dật,
Người mù không thấy tự mình vui,
Chư Phật giáng thân hiện thế gian,
Vì nhằm tuyên thuyết pháp vi diệu,
Ví như báu mạng-ni vô giá,
Giới trừ các độc không nghĩ bàn.*

“Tợ pháp” là khế kinh, như kinh Thập địa... “Tợ nghĩa” là đối

tượng nêu giảng về tánh vô ngã..., tương tự hành tướng ấy mà sinh khởi, lấy làm tợ pháp, tợ nghĩa mà sinh. “Tợ sự việc được giữ lấy”, là giống như chỗ giữ lấy kia mà hiển hiện. “Hữu kiến”, là nhĩ thức đồng thời. “Ý ngôn”, là ý thức hoặc cùng với Kiến phần đồng thời tánh đã giữ lấy và tánh chủ thể giữ lấy, đây tức là an lập tự tánh chỗ dựa của chủ thể giữ lấy và sở thủ. Như trước đã nói.

Luận nói: “Trong đây ai có khả năng ngộ nhập tướng mà mình phải biết? Đại thừa đa văn huân tập, tương tục đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở đời, đã được hoàn toàn quyết định giải thoát, đã khéo tích tập của thiện căn, khéo làm đầy đủ tư lương phước trí Bồ-tát”.

Giải thích: Dụng và dụng cụ đều chờ tác giả, nên hỏi người nhập là ai có khả năng ngộ nhập, để đáp câu hỏi này nên nói: “Đại thừa đa văn huân tập tương tục...”, là nương vào pháp Đại thừa mà khởi đa văn huân tập. “Tương tục đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở đời”, là do tương tục này nên được hiện tiền gặp và phụng sự chư Phật xuất hiện nơi đời. “Đã được hoàn toàn quyết định giải thoát”, là do phụng sự Phật mà đối với Đại thừa sinh tín giải sâu xa, không phải do các bạn ác dẫn dắt khiến do dự, do ba nhân duyên của Đại thừa đa văn này nên có thể khéo tích tập thiện căn, gọi là “Khéo làm đầy đủ tư lương phước trí Bồ-tát”.

Luận nói: “Có khả năng nhập chỗ nào? Tức là hữu kiến, tợ pháp, tợ nghĩa, ý ngôn, là chỗ sinh khởi của pháp tướng Đại thừa. Trong địa hạnh thắng giải, kiến đạo, tu đạo, đạo cứu cánh, đối với tất cả pháp chỉ có tánh thức, vì tùy theo văn mà sinh thắng giải, như lý mà thông đạt, đối trị hết thủy chướng, lìa hết thủy chướng”.

Giải thích: “Có khả năng nhập chỗ nào”, đây là hỏi cảnh đối tượng nhập và vị trí của chủ thể nhập. “Tức là hữu kiến... kia”, là đối với sự sinh khởi của pháp tướng Đại thừa mà quyết định hành tướng tợ pháp, tợ nghĩa, ý ngôn kia có thể nhập vào pháp giới này. Chủ thể nhập là dụng, đối tượng nhập là cảnh giới, là nghiệp là trì. Đối với ý ngôn này, hoặc có chủ thể nhập trong địa hạnh thắng giải, trong tất cả pháp chỉ có tánh thức, nên chỉ có tùy nghe mà sinh thắng giải. Hoặc có chủ thể nhập trong kiến đạo, như lý mà thông đạt ý ngôn này. Trong đây như lý mà thông đạt là thông đạt phi pháp và phi nghĩa, vì phi chỗ giữ lấy và phi chủ thể giữ lấy. Hoặc có năng nhập trong tu đạo, do chủ thể nhập này mà tu tập đối trị phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng. Hoặc có chủ thể nhập trong đạo cứu cánh, thanh tịnh cùng cực

liạ các chướng. Bốn thứ như vậy là vị trí của chủ thể nhập.

Luận nói: “Do cái gì có khả năng nhập? Do sự nhận giữ của lực thiện căn, là ba tướng của rèn luyện tâm, vì đoạn bốn xứ, vì duyên cảnh của pháp nghĩa thường hành chỉ quán, ân cần tôn trọng gia hạnh không có phóng dật”.

Giải thích: “Do cái gì có khả năng nhập”. Đây là hỏi nguyên nhân để nhập, là do nhân gì đối với chỗ nhận biết này mà có thể nhập được? “Do chỗ nhận giữ của lực thiện căn”, là tuy có lực thiện căn nhưng tâm hoặc bị thối khuất, nên nói ba tướng của rèn luyện tâm.

Luận nói: “Vô lượng các thế giới, vô lượng người, hữu tình, từng sát-na chứng biết chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, là rèn luyện tâm thứ nhất. Do ý lạc này có thể hành thí Ba-la-mật-đa, ta đã được ý lạc như vậy, ta do đây mà dụng công lực thêm ít nữa tu tập thí Ba-la-mật-đa, sẽ được viên mãn, đó là rèn luyện tâm thứ hai. Nếu có kẻ thành tựu các hữu còn có thiện chướng ngại, khi mạng chung thì liền ở nơi tất cả tự thể viên mãn khả ái sinh khởi, ta có thiện diệu, thiện vô chướng ngại thì sao lại không đạt được tất cả viên mãn, đó gọi là rèn luyện tâm thứ ba”.

Giải thích: “Vô lượng các thế giới”, câu nói này chỉ rõ việc rèn luyện tâm thứ nhất, đã dẫn người khác làm mẫu khiến cho tâm tăng thêm sung thịnh không có thối khuất. “Do ý lạc này”, là làm rõ rèn luyện tâm thứ hai. “Ta đã được ý lạc như vậy”, là làm rõ ý lạc này đã liạ sự che lấp và trói buộc, ý lạc này xa liạ bồn sển, xa liạ tầm dục, xa liạ sân tâm, xa liạ biếng trễ, xa liạ hôn trầm và thùy miên, xa liạ vô minh. “Ta do đây nên dùng thêm ít công lực nữa tu tập thí Ba-la-mật-đa, sẽ được viên mãn”, là đã đạt được ý lạc thù thắng, liền có thể tùy ý tu hành thí nhanh chóng khiến cho viên mãn. “Nếu có thành tựu”, là làm rõ việc rèn luyện tâm thứ ba. “Các thiện có chướng ngại”, là có thành tựu các thiện thế gian, vì chưa có thể vĩnh viễn đoạn đối tượng đối trị chướng, nên gọi là có chướng. “Ta có thiện diệu...”, là ta có thể vĩnh viễn đoạn cái chướng cần đối trị, do không có chướng ngại thiện mà thành thiện, thì làm sao trong vị lai không chứng được quả Phật viên mãn. “Rèn luyện tâm”, là rèn luyện tâm khiến cho mãnh lợi, để đối trị tâm thối khuất.

Luận nói: “Trong đó có tụng:

*Các hữu tình cõi người,
Xứ số đều vô lượng,
Niệm niệm chứng đẳng giác,
Vậy không nên thối khuất.*

*Các tâm tịnh ý lạc,
Giỏi tu hạnh bố thí,
Thắng giả này đã đắc,
Đắc tùy lạc tự mãn,
Thắng thiện do vĩnh đoạn,
Viên mãn làm sao không?*

Giải thích: Lại dùng Đà-tha để thấu tóm các nghĩa như vậy. “Các hữu tình cõi người...”, tâm của loài này khiếm nhược gọi là tâm thối khuất, khuyến khích các loài kia không nên sinh tâm thối khuất, nói “Ta không thể chứng biết chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng thì gọi là tâm khiếm nhược”, khiến cho chúng sinh kia không nên tự mình cho là không có công năng, nên không có thối khuất. Như có tụng nói:

*Vô lượng mười phương các hữu tình,
Niệm niệm đã chứng quả thiện thế,
Kia đã trượng phu, ta cũng vậy,
Không nên tự khinh mà thối khuất.*

“Các ý lạc tịnh tâm, giỏi tu hạnh bố thí...”, là không phải tâm bất thiện và vô ký mà hành thí... chỉ có tâm thiện nên gọi là tâm tịnh, nếu như trong thế gian có tâm bất thiện vô ký và tán loạn, cũng hành thí... mong muốn các hữu và tiền, địa vị, Bồ-tát thì không như vậy, chỉ cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. “Ý lạc”, là có thể tu nhân của thí vô ngại... như trước đã nói. “Thắng giả này đã đắc, vậy có thể tu thí...”, các Bồ-tát gọi là thắng giả, trước hết đã đắc ý lạc thù thắng này, do đây nên các Ba-la-mật-đa như thí... tùy ý mà chuyển, như nói mà tu nên gọi là đã đắc, do đây quyết định xả chỗ đối trị, vì xả chỗ đối trị nên không do công dụng, thì đối với thí... đó tùy ý chuyển. “Đẳng (vân vân...)”, là đồng lấy thí cho đến huệ Ba-la-mật-đa. “Thiện giả khi mạng chung”, là do thiện thế gian mà thành thiện giả, khi mạng chung thì “Đắc tùy lạc tự mãn”, là đắc tùy chỗ ái lạc tự viên mãn quả của thế gian, là cho đến đắc nghĩa sinh hữu đẳng. “Thắng thiện do vĩnh đoạn”, là do vĩnh viễn đoạn chướng ngại nơi thiện kia mà thành nghĩa thiện. “Viên mãn làm sao không”, là tùy hồ lạc viên mãn quả Phật làm sao không có nghĩa?!

Luận nói: “Do lia tác ý của Thanh-văn, Độc giác, vì đoạn tác ý, do lia nghi đối với các nghi về Đại thừa, vì có thể vĩnh viễn đoạn nghi dị huệ, do lia ngã chấp và ngã sở chấp trong pháp được văn, tư, đoạn pháp chấp; do hiện tiền trụ an lập tất cả tướng, không tác ý, không có sự phân biệt, đoạn phân biệt, cho nên trong đây có tụng:

Hiện tiền tự nhiên trụ,

*An lập hết thầy tướng,
Trí giả không phân biệt,
Đắc Bồ-đề tối thượng”.*

Giải thích: Bây giờ sẽ chỉ rõ việc đoạn trừ bốn xứ. “Đoạn tác ý” là đoạn trừ phần dẫn khởi tác ý của hai thừa. “Vì có thể vĩnh viễn đoạn nghi dị huệ” là đối với Đại thừa thâm diệu quảng đại, không khởi dị huệ điên đảo và nghi. “Đoạn pháp chấp” là trong pháp đạt được do văn tư, có thể vĩnh viễn đoạn trừ ngã chấp và ngã sở chấp, là ta có thể nghe, ta có thể tư duy hiểu biết, sự nghe văn cú của Ta, sự tư duy nghĩa của ta, những chấp trước như vậy tất cả đều không có, nhờ thắng nghĩa đó mà chứng hiện quán. “Đoạn phân biệt” là đối với hiện tiền tùy ý chuyển, hiện trụ của sắc và khởi công dụng, định tịnh của cốt toả... An lập các tướng cảnh giới của tất cả đối tượng duyên. Tác ý phân biệt đều có thể vĩnh viễn đoạn, cho đến Ba-la-mật-đa của tất cả chư Phật Bồ-tát. Các tướng như vậy, phân biệt chấp trước đều có thể vĩnh viễn lìa. Nghĩa của bài tụng đó chỉ rõ, không cần giải thích lại.

Luận nói: “Do cái gì và làm sao mà được ngộ nhập”?

Giải thích: Trong đây là hỏi cả hai vật dụng tạo tác và cái đã tạo tác, do có tác giả nhập nghiệp tạo tác, phải biết quyết định có công cụ của chủ thể nhập, tự tướng hiện quán là sự tạo tác sự việc, quyết định phải có như vậy như vậy phương tiện tạo tác, nên nay sẽ giải thích cả hai.

Luận nói: “Do chủng loại của văn huân tập, là sự gồm thu tợ pháp tợ nghĩa ý ngôn hữu kiến của tác ý như lý”.

Giải thích: Trong đây trước hết là chia rõ chủng loại thanh (tiếng) là công cụ của chủ thể nhập, tức là nhân theo ngôn thuyết mà làm nghĩa của nhân.

Luận nói: “Do bốn tầm tư: Là do tự tánh danh nghĩa sai biệt giả lập tầm tư và bốn thứ như thật biến khắp, trí là do danh sự tự tánh sai biệt giả lập hiển bày khắp về như thật. Trí như vậy đều đồng với không thể đắc, vì các Bồ-tát như thật như vậy, để nhập Duy thức mà khuyến tu gia hạnh, tức là đối với ý ngôn tợ văn tợ nghĩa, suy cầu văn danh chỉ là ý ngôn, suy cầu nghĩa nương vào văn danh này cũng chỉ có ý ngôn. Suy cầu tự tánh sai biệt danh nghĩa thì chỉ là giả lập. Nếu lúc đó chứng đắc chỉ có ý ngôn, lúc đó chứng biết hoặc danh hoặc nghĩa, tự tánh sai biệt đều là giả lập, tự tánh sai biệt nghĩa tướng không có. Đồng với không thể đạt là do bốn tầm tư và do bốn thứ biến tri như thật, đối với ý ngôn tợ văn tợ nghĩa này liền có thể ngộ nhập tánh duy hữu thức”.

Giải thích: “Do bốn tâm tư và do bốn thứ biến tri như thật” y theo như trước đã nói, có thể ngộ nhập đầy đủ, phát khởi phương tiện tạo tác như thật. Khi gia hạnh thì tìm cầu hạnh kiến giả có mà thật không. Phương tiện tướng nhân gọi là tâm tư, biết rõ cái đắc được là giả có thật không, quyết định hạnh trí, tướng quả phương tiện gọi là như thật trí. Danh trong đây là sắc, thọ... cũng gồm thâu danh nhân, gọi là tâm tư của các quả cú..., danh này chỉ có tánh ý ngôn, chỉ có giả, không phải thật, không lia ngôn danh ý mà gọi là tâm tư. Tâm tư nghĩa, như đối tượng được sự nêu dẫn của danh thân... mà đắc uẩn giới xứ. Suy cầu tánh này chỉ có giả không phải thật. Nếu như có từng chủng loại tương ứng khả đắc, thì từng đối tượng được nêu giảng tương ứng như vậy không đúng lý. “Suy cầu nghĩa nương vào văn, danh này cũng chỉ có ý ngôn” là tâm từ nương vào danh, là cái biểu lộ bên ngoài, chỉ có tánh ý ngôn, tư duy nghĩa này tự ngoại tướng chuyển, thật ra chỉ ở bên trong. “Suy cầu tự tánh danh nghĩa sai biệt thì chỉ là giả lập”, danh nghĩa của tâm tư hai thứ tự tánh chỉ có tướng giả lập, tự tánh danh nghĩa của sắc, thọ... thật ra chỉ là không có. Giả lập tự tánh, ví như giả lập Bồ-đặc-già-la thì danh nghĩa hai thứ tự tánh sai biệt của tâm tư cũng là tướng giả lập, là danh nghĩa sai biệt của vô thường... chỉ là giả lập. “Hoặc danh hoặc nghĩa, tự tánh sai biệt đều là giả lập”, chứng biết bốn thứ hư vọng hiển hiện Y tha khởi gồm thâu, vì tự tánh sai biệt nghĩa tướng không có. “Đồng với không thể đạt”, là hiểu rõ bốn thứ nghĩa của Biến kế sở chấp đều không thể đắc, phải biết bốn thứ phương tiện trong đây gọi là tâm tư, bốn thứ trí quả gọi là bốn thứ biến tri như thật. Nói suy cầu danh chỉ là giả lập, thật không thể đạt gọi là tâm tư. Nếu khi ngay trên trí quả mà sinh thì quyết định biết rõ giả có thật không gọi là trí như thật. Như vậy đối với sự tự tánh sai biệt, giả có thật không, suy cầu quyết định thì nói cũng như vậy.

Luận nói: “Trong sự ngộ nhập tánh Duy thức này, những gì là ngộ nhập? Ngộ nhập như thế nào? Nhập tánh Duy thức, tướng kiến hai tánh và vô số tánh. Hoặc danh hoặc nghĩa tự tánh sai biệt, giả mượn nghĩa sai biệt của tự tánh, như vậy sáu thứ nghĩa đều không có. Tánh của đối tượng được giữ lấy, chủ thể giữ lấy hiện tiền, thì đồng thời hiện tự vô số tướng nghĩa mà sinh khởi, như trong tối sợi dây hiện ra như con rắn, ví con rắn trên sợi dây không phải chân thật, vì không có. Nếu đã biết rõ nghĩa kia không có, thì sự nhận biết về rắn tuy diệt mất, nhưng sự nhận biết về sợi dây vẫn còn. Nếu lấy phẩm loại vi tế để phân tích, thì đây cũng là sắc, hương, vị, xúc hư vọng làm tướng của nó, sự nhận biết này

vì nương vào sự nhận biết về sợi dây phải nên diệt. Như vậy đối với tợ vấn tợ nghĩa sáu tướng ý ngôn kia, khi trừ diệt sáu tướng với nghĩa không thật thì tánh biết của Duy thức cũng như biết về rấn, đều phải xua trừ, do giác của tự tánh Viên thành thật”.

Giải thích: Trong sự ngộ nhập tánh Duy thức này, muốn chỉ rõ sự nhập và nhập ví dụ nên đặt câu hỏi này. Nếu nghĩa không có trong sự ngộ nhập tánh Duy thức, thì ngộ nhập chỗ nào? Ý vấn nạn, tánh Duy thức này tức là nghĩa của nó, thì nghĩa không có thì làm sao ngăn cản vấn nạn này? Cho nên trước hết nói: “Nhập tánh Duy thức”, là nghĩa của thức này cũng là tánh vô nghĩa, không phải chỉ có nghĩa bên ngoài là không có. Nếu không có tánh nghĩa thì làm sao có mười hai xứ giáo? Làm sao thế gian có nghĩa ngôn thuyết để ngăn cản vấn nạn này? Cho nên tiếp theo nói “Tướng, kiến hai tánh”, tuy không có thật nghĩa, nhưng thức tương tợ hai nghĩa nội ngoại mà hiển hiện. Sức huân tập của ngôn thuyết từ vô thi, thức tợ nghĩa chuyển, tợ phân biệt dụng, gọi là “Kiến”, nên không trái nhau vì chỉ ngộ nhập tợ tướng tợ kiến. Thức khác chủng loại thì không như vậy hay sao? Để đáp câu hỏi này nên nói “Và vô số tánh”, là chỉ có một thức. Tánh của đối tượng được giữ lấy, chủ thể giữ lấy sai biệt, trong một lúc mà phân làm hai thứ. Lại nữa, trong một thức mà tương tợ có ba tướng hiện, là đối tượng được giữ lấy, chủ thể giữ lấy và phần tự chứng gọi là ba tướng, ba tướng như vậy thì phần nghĩa của một thức không phải một không phải khác, như các nơi đã biện luận. Trên một thức mà có nhiều tướng hiện nên gọi là “Vô số”, gọi là cùng sáu tướng, không có nghĩa cùng... giải thích ba thứ trước. Để đáp câu hỏi trước “Như thế nào là ngộ nhập” nên lại nói “Như sợi dây trong tối hiện ra giống con rắn, do thí dụ này mà thành lập thông đạt ba thứ tự tánh. “Như con rắn trên sợi dây là không phải chân thật, vì không có”, như vậy tợ danh, tợ nghĩa, ý ngôn, trên Y tha khởi gọi là cùng sáu tướng. Biến kế sở chấp cũng không phải chân thật, vì không có. Lại nữa, trong đây nhờ biết đó là sợi dây nên không cho nó là rắn nữa. Chỗ dựa như vậy thì Duy thức hiển hiện, cái biết của Y tha khởi bỏ đối với 6 nghĩa, cái biết của biến kế chấp như nương vào sắc... Là biết của phần tế dứt trừ cái biết về sợi dây, chỗ dựa như vậy thì cái biết của Viên thành thật xua trừ cái biết của mê loạn của Y tha khởi. Như có tụng nói:

*Trí coi dây là rắn,
Thấy dây nghĩa không có,
Khi chứng thấy phần kia,
Biết rắn ấy trí loạn.*

“Khi trừ diệt sáu tướng nghĩa không thật”, là không có nghĩa, vì 6 thứ phi thật nghĩa thì không phải tướng hữu vi.

Luận nói: “Như vậy Bồ-tát ngộ nhập tợ nghĩa tướng ý ngôn, nên ngộ nhập tánh Biến kế sở chấp, ngộ nhập Duy thức nên ngộ nhập tánh Y tha khởi. Làm sao ngộ nhập tánh Viên thành thật ? Nếu đã trừ tướng về ý ngôn, vẫn pháp theo chủng loại huân tập của Duy thức, thì lúc đó Bồ-tát đã loại trừ tướng nghĩa, tất cả tợ nghĩa không được sinh nên tợ Duy thức cũng không được sinh. Do nhân duyên đó mà trụ hết thấy nghĩa danh vô phân biệt, trong pháp giới liền được hiện thấy tướng ứng mà trụ. Lúc đó, Bồ-tát bình đẳng bình đẳng, nơi đối tượng duyên chủ thể duyên Trí vô phân biệt đã được sinh khởi, do đây nên gọi là Bồ-tát đã ngộ nhập tánh Viên thành thật”.

Giải thích: “Vì ngộ nhập ý ngôn tợ nghĩa tướng, nên ngộ nhập tánh Biến kế sở chấp”, là biết rõ ý ngôn, tợ nghĩa tướng hiện không có thật nghĩa của Biến kế sở chấp, do đây nên gọi là ngộ nhập tợ tánh Biến kế sở chấp. “Ngộ nhập Duy thức nên ngộ nhập tánh Y tha khởi” là biết rõ Duy thức tiếp xúc với vô minh nên trong vô nghĩa mà tợ nghĩa tướng hiện, do đây mà ngộ nhập tánh Y tha khởi. Để làm rõ ngộ nhập tánh Viên thành thật nên lại nói “Đã loại trừ nghĩa tướng”, tức đã có thể trừ nghĩa của nghĩa tướng. “Tất cả tợ nghĩa không được sinh”, tức là đều không có chủ thể tợ nghĩa để sinh khởi nghĩa. “Cho nên tợ Duy thức cũng không được sinh”, sự giữ lấy không có nên chủ thể giữ lấy cũng không, tức là chỗ thành nghĩa của Duy thức cũng không chuyển nghĩa. “Trụ hết thấy nghĩa danh vô phân biệt” gọi hết thấy pháp là khế kinh... gọi là chỗ dựa hạnh xứ, gọi là hết thấy nghĩa. Danh có mười thứ, 9 thứ trước gọi là hữu sở phân biệt, danh thứ mười là đối với hết thấy nghĩa không có phân biệt. An trụ như vậy đối với tất cả nghĩa danh vô phân biệt, như nói tất cả chỉ có danh của nó, tức danh như vậy có thể khởi tất cả, trong đây tợ danh hiển hiện thức... mượn nói là danh. “Trong pháp giới liền được hiện thấy tướng ứng mà trụ”, là trong pháp giới nội chứng tướng ứng khởi thắng giải. “Bình đẳng bình đẳng”, là như các đối tượng duyên đều là không có, như vậy chủ thể duyên cũng không có, do đó cả hai thứ đều bình đẳng bình đẳng. “Do đây nên gọi là Bồ-tát đã ngộ nhập tánh Viên thành thật”, ngộ nhập tợ tánh Biến kế sở chấp và tánh Y tha khởi là hữu dư nên cũng có tác giả, tác dụng chưa dứt nên chỉ gọi là ngộ nhập. Hiện tại tác giả và tác dụng trong đây đã diệt mất rốt ráo nên gọi là “Đã ngộ nhập”.

Luận nói: “Trong đây có tụng:

*Pháp Bồ-đặc-già-la,
Pháp nghĩa, tánh lược rộng,
Bất tịnh, tịnh cứu cánh,
Là việc làm sai biệt”.*

Giải thích: Như đã nói trước là trụ nơi tất cả danh vô phân biệt, bây giờ lấy Đà-tha để hiển thị tự cảnh sai biệt của danh này. Chữ “Pháp” đầu bài tụng, là sắc, thọ... “Bồ-đặc-già-la”, là thiên thọ... tùy theo tín hạnh, là danh trong Phật giáo. Chữ “Pháp” kế sau, là những điều đáng tán thán trong kinh. “Nghĩa danh”, là đối tượng được nêu giảng này sát hại đối với phụ mẫu, tru diệt quốc và tày các hạnh... “Lược danh”, là hết thảy pháp đều vô ngã. “Quảng danh”, là sắc vô ngã. “Tánh danh”, là các chữ A... là nhân của từ và cú. “Bất tịnh danh”, là các dị sinh bị phiền não cấu nhiễm vào. “Tịnh danh”, là các hiền Thánh vĩnh viễn đoạn cấu. “Cứu cánh danh”, là tổng đối tượng duyên tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa và mười địa, lấy nghĩa tổng quát và tóm lược làm đối tượng duyên.

Luận nói: “Như vậy Bồ-tát ngộ nhập tánh Duy thức, ngộ nhập tướng của đối tượng nhận thức, ngộ nhập tướng này nên ngộ nhập địa cực hỷ, khéo thông đạt pháp giới, sinh vào nhà Như Lai, đặc tâm tánh bình đẳng của tất cả hữu tình, đặc tâm tánh bình đẳng của tất cả Bồ-tát, đặc tâm tánh bình đẳng của tất cả chư Phật, đó gọi là Bồ-tát kiến đạo”.

Giải thích: “Khéo thông đạt pháp giới”, là đối với pháp giới chứng đắc sâu xa. “Sinh vào nhà Như Lai”, pháp Phật gọi là nhà Như Lai, chứng ngộ pháp Phật này gọi là sinh. Chỗ đối tượng duyên sinh thẳng trí, vì chuyển chỗ dựa ban đầu sinh các chỗ dựa khác, nối tiếp Phật chủng khiến cho không đoạn tuyệt, như sự tương tục sinh khác, chúng đồng phạm khác, sở sinh, chủ thể sinh tương tục không đoạn, gởi vào nhà chỗ sinh như vậy là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chứng pháp giới của Phật, gọi là sinh trong đó, gọi là chân Phật tử. Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, đối với pháp giới của Phật có khả năng chứng đàng hoàng, dựng lập hiện tiền tự tương tục tự tại nên gọi là sinh. Như có thuyết nói:

*Nhất thiết hùng mãnh,
Lợi lạc người khác,
Sinh mẫu, dưỡng mẫu,
Chỗ sinh, chỗ nuôi.*

“Đặc tâm tánh bình đẳng của tất cả hữu tình”, là thấy khắp tất cả đều vô ngã, như có kinh Luận nói: “Tất cả pháp đều là Như Lai tạng”.

Như vậy “Đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả Bồ-tát”, là đắc tánh ý lạc bình đẳng của Bồ-tát. “Đắc tâm tánh bình đẳng của tất cả chư Phật”, là đắc tánh pháp thân bình đẳng của Phật. Đây gọi là Bồ tát Kiến đạo, cái thấy trước chưa thấy thắng pháp giới ví như kiến đạo của Thanh-văn, Độc giác.

Luận nói: “Lại nữa, vì nghĩa gì mà nhập tánh Duy thức? Do duyên pháp chung nơi trí chỉ quán xuất thế, do trí này mà sau đó đắc vô số tướng thức trí. Vì đoạn các tướng chủng tử và tướng thức A-lại-da, vì trường dưỡng chủng tử có thể tiếp xúc pháp thân, vì chuyển chỗ dựa, vì muốn chứng đắc hết thấy pháp Phật, vì muốn chứng đắc Nhất thiết trí để nhập tánh Duy thức, nên trí Hậu đắc đối với tất cả chỗ sinh của thức A-lại-da, trong tất cả tướng phân biệt, thấy tánh như huyễn không có đảo chuyển, cho nên Bồ-tát ví như huyễn sư trong các tướng của các huyễn sự, và nói nhân quả thường không có điên đảo”.

Giải thích: “Lại nữa, vì nghĩa gì mà nhập tánh Duy thức”, đây là hỏi chỗ cần thiết để nhập Duy thức. Tiếp theo phải đáp rằng, vì muốn chứng đắc trí của Nhất thiết trí, thì phương tiện ban đầu là như đã nói, để khai thị nên thứ tự nói, để đem lợi ích cho các loài được hoá độ có thể lãnh thọ. “Do duyên tổng pháp”, là duyên tổng tướng chỗ hiển chân như của tất cả pháp làm cảnh. Hết thấy pháp mà trong Đại thừa giáo đã nói đều là chân như làm tánh, duyên chân như tức là hiểu rõ hết thấy pháp tánh. Nếu không như thế thì dù trải nhiều thời gian tu hành, nhưng Trí vô phân biệt cũng không sinh. “Xuất thế”, là vô lậu, vì vô phân biệt. “Trí chỉ quán”, là do trí tam-ma-tư-đa không điên đảo trí. “Vô số tướng thức trí”, là an lập tánh nhân tánh quả, hữu thượng Vô thượng... của các pháp, tức là phần nghĩa của đối tượng được giữ lấy và chủ thể giữ lấy. “Vì đoạn các tướng chủng tử của và tướng thức A-lại-da”, là đoạn các pháp tướng tự sắc... trong thức A-lại-da và tướng chủ thể huân tập. Đây là nói đoạn nhân quả của chủng tử. “Vì trường dưỡng chủng tử có thể tiếp xúc pháp thân”, là muốn tăng trưởng tất cả huân tập đa văn của Đại thừa, do đây mà đầu tiên được đắc pháp thân. Vì chuyển sở y”, là thông đạt chân như, các tâm tâm pháp sinh lia cấu, hoặc là chân như thiện thanh tịnh. “Vì muốn chứng đắc hết thấy pháp Phật”, là muốn sinh khởi mười lực, bốn vô úy... các pháp Phật. “Vì muốn chứng đắc trí của hết thấy trí”, là muốn chứng đắc trí chư Phật vô cấu vô ngại. Lại nữa, trí Hậu đắc, là hiển trí Hậu đắc có chỗ tác dụng. “Đối với tất cả sở sinh của thức A-lại-da”, đây là nêu ra sở sinh để nắm lấy nhân của nó. “Trong tất cả tướng liễu biệt”, đây là hiển quả của nó trong phần chủ

thể giữ lấy và phần của đối tượng giữ lấy. “Thấy tánh như huyễn không có đảo chuyển”, là quán như thật thấy tánh Y tha khởi, như huyễn sự... vì không có mê loạn. “Ví như huyễn sự trong các tướng của các huyễn sự”, là trong nhân huyễn hoặc của cây cỏ... thấy như thật không có điên đảo, trong tướng huyễn hoặc của voi ngựa, thấy như thật cũng không có điên đảo. Bồ-tát thấy chân thật như vậy, như thật hiện thấy, không có tự tánh đối tượng được giữ lấy, chủ thể giữ lấy, thì Viên thành thật đã khởi sau khi đắc, có khả năng phát ngữ ngôn tịnh trí thế tục, biết thời nhân quả, và biết thời nói pháp thường không có điên đảo. Người nghe tuy có điên đảo, nhưng vẫn huân tập huân tập tương tục, thứ tự dần dần đắc không điên đảo. Đó là do người kia đã làm xong điều nên làm. Trí hậu đắc này không có sai biệt cũng không có nhiễm ô.

Luận nói: “Đây là khi ngộ nhập tánh Duy thức, có bốn thứ Tam-ma-địa, là bốn thứ thuận phần quyết trạch nương dựa. Làm sao biết được? Phải biết do bốn tâm tư trong nhãn vô nghĩa phẩm Hạ, có minh tăng thêm Tam-ma-địa, là chỗ dựa của Noãn thuận phần quyết trạch. Trong nhãn vô nghĩa phẩm thượng, có minh tăng Tam-ma-địa, là chỗ dựa của Đảnh thuận phần quyết trạch. Lại do bốn thứ biến trí như thật đã nhập Duy thức, trong vô nghĩa đã được quyết định, có nhập chân nghĩa một phần Tam-ma-địa, là chỗ dựa của đế thuận nhãn, từ vô gián này có thể chế phục tướng Duy thức, có vô gián Tam-ma-địa, là chỗ dựa của pháp thế đệ nhất. Phải biết các Tam-ma-địa như vậy là hiện quán biên”.

Giải thích: Khi tất cả xứ nhập hiện quán, thì đều có bốn thứ thuận phần quyết trạch, là tướng trước, hiện quán đã rõ nên không giải thích lại. “Do bốn tâm tư”, là như trước đã nói suy cầu danh nghĩa tự tánh sai biệt giả lập làm thể. “Trong nhãn vô nghĩa phẩm hạ”, là trong ái lạc giác huệ của phẩm hạ các nghĩa đều là không có. “Minh”, là trí có thể chiếu nghĩa không có, sự mong cầu quả đều toại ý nên gọi là đắc. Định này ban đầu đắc trí minh vô nghĩa, nên đắc minh là đắc tên của Tam-ma-địa, ví như ban đầu là cầu được lửa. Noãn, tức là thiện căn của Noãn phẩm, ví như kéo cây lấy lửa thì tướng ban đầu của nó là Noãn, ở đây cũng vậy, chân trí là tướng ban đầu. “Nương dựa”, có nghĩa là nhả. Nói quyết trạch tức là hiện quán, phần này là pháp nhãn vô ngã, dẫn phát thiện căn ấy nên gọi là thuận, chiếm chỗ trên hết nên gọi là đảnh. “Lại do bốn thứ biến trí như thật”, là như trước đã nói không thể đạt được trong danh sự, đã được quyết định rồi. Khi chuyển như vậy thì ngộ nhập Duy thức, tự danh... hiện quyết định biết rõ đều không có

nghĩa. “Nhập chân nghĩa một phần Tam-ma-địa”, là chỉ có chủ thể thông đạt, chỗ giữ lấy thì không có, nên gọi là “Nhập một phần”, do thiếu đạt nghĩa không có trong đây, nên chưa có khả năng chế ngự chủ thể giữ hành tướng Duy thức kia, khiến cho nó không có, nên nói danh này là chỗ định nương dựa của đế thuận nhãn. Thuận là thân cận nương vào, đối tượng giữ lấy không có nên chủ thể giữ lấy cũng không. “Phải biết các Tam-ma-địa như vậy là hiện quán biên”, phải biết tức là gần với nghĩa chuyển kia.

Luận nói: “Như vậy Bồ-tát đã nhập địa, đã đắc kiến đạo, đã nhập Duy thức. Trong tu đạo làm thế nào để tu hành? Như trong điều đã nói an lập mười địa, gồm thấu tất cả kinh đều hiện tiền, do duyên chung nơi pháp xuất thế trí Hậu đắc chỉ quán, trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-du-đa-kiếp, niệm niệm tu tập do đó mà đắc chuyển y. Vì muốn chứng đắc ba thân Phật nên tinh tấn tu hành”.

Giải thích: “Như trong điều đã an lập mười địa”, là tùy các hý luận ngôn thuyết, tự tướng và cộng tướng trong mười địa. “Do duyên pháp chung”, là duyên xen tạp nhau, không có duyên pháp riêng tu chánh trí. Nếu không như thế thì chỗ tập hợp tư lương của Trí vô phân biệt không có được. “Xuất thế”, là Trí vô phân biệt hậu đắc, tức là trí thanh tịnh xuất thế gian có thể an lập, vì hậu đắc này là cảnh thanh tịnh hữu tướng. “Thế gian mà đắc chuyển y”, là trải qua nhiều kiếp tu hành Trí vô phân biệt, hậu đắc mà đắc chuyển y, là tâm, tâm pháp tương tục thanh tịnh. “Vì muốn chứng đắc ba thân Phật nên tinh cần tu hành”, sau đây sẽ nói rộng.

Luận nói: “Hiện quán của Thanh-văn và hiện quán của Bồ-tát, có gì sai biệt? Là hiện của Bồ-tát khác với Thanh-văn. Do mười một thứ sai biệt phải biết: 1. Do đối tượng duyên sai biệt, Bồ-tát lấy pháp Đại thừa làm sở duyên. 2. Do tư trì sai biệt, lấy hai thứ tư lương đại phước, trí làm tư trì. 3. Do thông đạt sai biệt, do có thể thông đạt pháp Bồ-đặc-già-la là vô ngã. 4. Do Niết-bàn sai biệt, thấu nhận vô trụ đại Niết-bàn. 5. Do địa sai biệt, nương vào mười địa mà xuất ly. 6. 7. Do thanh tịnh sai biệt, đoạn phiền não tập khí, làm thanh tịnh cõi Phật. 8. Do đối với tự tha đắc tâm bình đẳng sai biệt, thành thực hữu tình mà gia hạnh không ngơi nghỉ. 9. Do sinh sai biệt, sinh vào nhà Như Lai. 10. Do thọ sinh sai biệt, thường trong hội đại tập của chư Phật mà thấu giữ sinh. 11. Do quả sai biệt, là mười lực, bốn vô úy, pháp Phật bất cộng, vì vô lượng công đức thành mãn nơi quả.

Giải thích: Hiện quán khác nhau của Thanh-văn và Bồ-tát, lược

có mười thứ hoặc mười một thứ. Trong “Đối tượng duyên sai biệt”, hiện quán của Bồ-tát lấy pháp Đại thừa làm văn huệ nơi ba thứ đối tượng duyên. Hiện quán của Thanh-văn thì lấy pháp Thanh-văn thừa làm đối tượng duyên. Trong “Tư trì sai biệt, tư lương phước là ba thứ gia hạnh thí, giới nhân. Tư lương trí, là tinh tấn, tinh lự và văn huệ... tư lương là trải qua chỗ vận chuyển tập hợp trong vô lượng kiếp. “Thông đạt sai biệt”, là hiện quán của Thanh-văn chỉ có chủ thể thông Bồ-đặc-già-la không nơi lý vô ngã, hiện quán Bồ-tát thì đồng thời có thể thông đạt Bồ-đặc-già-la là pháp không vô ngã. Trong “Niết-bàn sai biệt”, hiện quán của Bồ-tát thâm nhận bi huệ làm phương tiện tư lương, sinh tử và Niết-bàn không có chỗ trụ giữ lấy làm Niết-bàn. Hiện quán của Thanh-văn chỉ có trụ nơi vô vi lấy làm Niết-bàn. Trong “Địa sai biệt”, hiện quán của Bồ-tát nương vào mười địa mà được xuất ly, trong Thanh-văn thừa không có các địa kiến lập như vậy. Trong “Thanh tịnh sai biệt”, hiện quán của Bồ-tát vĩnh viễn đoạn phiền não gồm các tập khí và có thể thanh tịnh Phật độ báu. Hiện quán của Thanh-văn tuy đoạn phiền não, nhưng chưa trừ tập khí không thể tịnh mọi báu cõi Phật. Nói tập khí, tuy không có phiền não nhưng việc làm của nó tương tự có phiền não. Trong “Tự tha đắc tâm bình đẳng sai biệt”, là hiện quán của Bồ-tát chứng đắc tự tha bình đẳng pháp tánh, thành thực hữu tình mà gia hạnh không dứt. Hiện quán của Thanh-văn phân biệt tự tha chỉ tu tự lợi, không tu lợi tha. Trong “Sinh sai biệt”, hiện quán của Bồ-tát sinh trong nhà pháp giới của Như Lai, là chân Phật tử, như nhà của luân vương sinh con có đủ tướng, không giống như Thanh-văn đồng ở với hạng con của nô tỳ vô trí hèn mọn. Trong “Thọ sinh sai biệt”, hiện quán của Bồ-tát thường trong đại tập hội của chư Phật, trên đài liên hoa ngồi kiết-già cho đến thành Phật hằng thọ hoá sinh. Gọi là hội đại tập của chư Phật ấy, là quốc độ giới vô lậu của chư Phật, không giống như Thanh-văn ở trong thai mẹ. “Quả sai biệt”, là hiện quán của Bồ-tát, mười lực, bốn vô úy... có nhiều chỗ trang nghiêm của các công đức, có thể không công dụng mà tác khởi tất cả sự lợi ích cho hữu tình, chứng đắc pháp thân lấy làm thắng quả, các dụng vô lậu còn lại chuyển sinh làm quả.

Luận nói: “Trong đây có hai bài tụng:

*Danh sự cùng làm khách,
Tánh nó xứng tâm tư,
Hai thứ cũng nên suy,
Duy lượng và duy giả.
Trí thật quán vô nghĩa,*

*Chỉ có ba phân biệt,
Kia không, nên đây không,
Thì liền nhập ba tánh”.*

Giải thích: Lấy hai bài Đà-tha để gồm thâu chung về tâm tư và quả tâm tư, khiến cho dễ hiểu. “Danh sự cùng làm khách, tánh nó xứng tâm tư”, là danh đối với sự làm khách, sự đối với danh cũng vậy, không giống như một loại, là thanh và nghĩa tương xứng nhau mà sinh, hệ thuộc lẫn nhau. “Hai thứ cũng nên suy, duy lượng và duy giả”, là trong tự tánh và sai biệt cũng phải suy ra tâm chỉ có phân biệt, chỉ có giả lập. Sự thì như thế nào? Là hai thứ này chỉ có phân biệt, chỉ có giả lập sai biệt ngôn thuyết, đều không có tự tánh sai biệt chân thật. “Thật trí”, là chỗ sinh bốn thứ như thật biến trí của tâm tư. “Quán vô nghĩa”, là quán nghĩa của nó xưa nay không có. “Chỉ có ba phân biệt”, quán thấy chỉ có ba thứ phân biệt, là danh phân biệt, tự tánh giả lập phân biệt, sai biệt giả lập phân biệt. “Kia không, nên đây không”, là nghĩa không có nên quán ba thứ phân biệt này cũng không có. “thì liền nhập ba tánh”, như đã nói trên, tức là ngộ nhập ba thứ tự tánh. Nửa bài tụng thứ nhất quán danh và sự cùng nhau là khách, tức là ngộ nhập tự tánh Biến kế sở chấp, nửa bài kế quán hai thứ tự tánh sai biệt của danh sự kia, chủng tử của phân biệt, chỉ có giả lập, tức là ngộ nhập tự tánh Y tha khởi. Trong bài tụng thứ hai thì ngộ nhập tự tánh Viên thành thật, trong đây chỉ loại trừ Biến kế sở chấp mỗi mỗi đều có riêng tâm, cảnh, ngâm trừ phân biệt đều không có sự đó. Nếu không như thế thì trói buộc và giải thoát đều không được thành, tịnh và bất tịnh đều không có.

Luận nói: “Lại có hai bài tụng giáo thọ, như luận phân biệt Du-già nói:

*Bồ-tát trong định vị,
Quán ảnh chỉ là tâm,
Nghĩa tướng đã diệt trừ,
Quán chỉ có tự tướng.
Như vậy trụ nội tâm,
Biết chỗ giữ lấy phi hữu,
Kế, năng thủ cũng không,
Sau, xúc vô sở đắc.*

Giải thích: Ai có thể tâm tư đặc quả như vậy? Giáo thọ như vậy lại là ai? Để đáp hai câu hỏi này nên nói hai bài tụng.

“Bồ-tát trong định vị, quán ảnh chỉ là tâm”, là quán hết thấy tự pháp tự nghĩa, quyết định nẻo hành ảnh chỉ là nội tâm. Như kinh nói:

“Ta nói sở duyên của thức là sở hiện của Duy thức”. “Bồ-tát”, tức là nói chủ thể quán. “Trong định vị”, tức là tâm trụ một cảnh. “Nghĩa tướng đã diệt trừ”, là do ảnh kia loại trừ nghĩa tướng của nó. “Quán chỉ có tự tướng”, là quán sát tướng của tự pháp tự nghĩa như vậy chỉ là do tâm định biến hiện. “Như vậy trụ nội tâm”, là tâm lúc đó liền trụ nơi nghĩa của tự tâm. “Biết chỗ giữ lấy phi hữu, kế chủ thể giữ lấy cũng không”, trước đã biết rõ đối tượng được giữ lấy là không có, như tánh đối tượng giữ lấy đã không có thì tánh của chủ thể giữ lấy trên chỗ giữ lấy tánh cũng không được thành. “Sau xúc vô sở đắc”, là từ đó về sau là chỗ đắc chân như tánh vô nhị.

Luận nói: “Lại có năm bài Đà-tha hiện quán, như luận trang nghiêm của kinh Đại thừa nói:

*Phước đức, trí huệ, hai tư lương,
Bồ-tát khéo đủ vô biên vực,
Với pháp tư lương đã khéo quyết,
Nên biết nghĩa lý chỉ ngôn loại.
Nếu biết các nghĩa chỉ là ngôn,
Tức tự trụ lý duy tâm kia,
Lại hay hiện chứng chân pháp giới,
Do đó hai tướng đều dứt trừ.
Biết rõ là tâm không riêng vật,
Do đây liền hiểu tâm phi hữu,
Người trí hiểu rõ cả hai không,
Đồng trụ chân pháp giới hai không.
Người huệ, trí lực không phân biệt,
Bình đẳng chu biến thường thuận hành,
Diệt y ngăn ngại các tụ tội,
Như đại lương được giải các độc.
Phật thuyết pháp diệu khéo thành lập,
Đặt huệ gồm trong căn pháp giới,
Biết rõ niệm cõi chỉ phân biệt,
Dũng mãnh nhanh về bờ biển đức”.*

Giải thích: “Phước đức, trí huệ, hai tư lương, Bồ-tát khéo đủ vô biên vực”, là thí, giới, nhẫn ba thứ Ba-la-mật-đa ấy gọi là tư lương phước, Bát-nhã Ba-la-mật-đa thứ sáu gọi là trí tư lương, tinh tấn gồm tu nên thông cả hai thứ, tinh lực cũng vậy. Nếu vô lượng duyên thuộc tư lương phước, thì những thứ còn lại thuộc trí. Phước trí tích tập nên gọi là tư lương. “Khéo đủ”, có nghĩa là tròn đủ, trải qua vô số thời gian sai biệt

viên mãn gọi là gọi là vô biên tế. “Với pháp tư lương đã khéo quyết”, là đối với pháp của tất cả khế kinh, do định hậu trí rất khéo quyết định không có do dự. “Nên biết nghĩa lý chỉ ngôn loại”, do đó có thể hiểu rõ tất cả nghĩa lý, chỉ dùng ý ngôn phân biệt làm nhân. “Nếu biết các nghĩa chỉ là ngôn. Tức trợ lý duy tâm kia”, là nếu biết rõ tất cả tướng nghĩa chỉ là ý ngôn, thì có thể an tâm trụ tướng trợ nghĩa, các thứ biến hiện chỉ được quyết định trong tâm lý. Đây là nửa bài đầu của tụng thứ hai, hiển thị Bồ-tát tại phần quyết trạch vị, bài tụng thứ nhất hiển thị vị này là vị gia hạnh. Lại hay hiện chứng chân pháp giới, do đó hai tướng đều dứt trừ”, là do trước đã thông đạt nghĩa không có, vì trụ duy tâm nên có thể trừ hai tướng đối tượng giữ lấy và chủ thể giữ lấy, hiện chứng chân pháp giới không hai, khéo quyết định, trí nương vào đây mà sinh. Đây là nửa bài tụng trước và bài tụng thứ ba sau hiển vị kiến đạo. Như đã hiện chứng, kế đó sẽ hiển thị. “Biết rõ lìa tâm, không riêng vật, do đây liền hiểu tâm phi hữu”, là biết lìa tâm thì không có riêng tất cả cảnh giới đối tượng duyên. Do đối tượng duyên kia không có, nên chủ thể duyên tâm tánh cũng không thành. “Người trí hiểu rõ cả hai không”, là thắng huệ tương ứng nên gọi là trí giả, vì đối với hai vô tánh có thể quyết định biết nên gọi là thấu đạt Biến kế sở chấp. Đối tượng duyên và chủ thể duyên xưa vô tánh nên gọi là “Cả hai không”. “Đồng trụ chân pháp giới vô nhị”, là an trụ bình đẳng nên gọi là “Đồng trụ”, đối tượng giữ lấy và chủ thể giữ lấy đều xa lìa nên nói “Nhị vô”. Như vậy pháp giới hiện chứng, không phải chân pháp giới hư danh. “Người huệ, lực Trí vô phân biệt”, là hết thấy công năng của các Bồ-tát nơi Trí vô phân biệt. “Bình đẳng chu biến thường thuận hành”, là tổng quát cả nội ngoại nên gọi là “Chu biến”, nếu như đối tượng giữ lấy không có thì chủ thể giữ lấy cũng vậy, nên gọi là “Bình đẳng”, tùy thuận quán sát tánh bình đẳng của các pháp trong khế kinh ví như hư không nên gọi là “Thuận hành”, vì luôn luôn nên gọi là “Thường”. “Diệt”, là trừ diệt. “Y”, là nhân của tất cả pháp tạp nhiễm, vì khó có thể ngộ nhập nên thí dụ như “Ngăn ngại”, các pháp tạp nhiễm gọi là “Lỗi lầm”, tập khí tích tập gọi là “Khối”. “Như đại lương được giải các độc”, nghĩa của câu này dễ hiểu, là giỏi trừ các tội lỗi nhập vào từ xa nên giống như thuộc A-yết-đà, đây là bài tụng thứ bốn hiển thị tu đạo. “Phật thuyết pháp diệu khéo thành lập”, là sự thuyết chánh pháp rất khéo thành lập của mâu-ni tôn. “Đặt huệ gồm trong căn pháp giới”, là đem huệ đó đặt vào pháp được thuyết giảng khéo thành lập, gồm cả trong chân pháp giới căn bản của nó. “Căn”, đây là nhân của giác, hoặc tổng duyên nơi

pháp gọi là căn bản, là tất cả kinh đều lấy mười địa làm căn bản, pháp nương vào mười địa đó mà chuyển nên gọi là pháp giới, tức là các pháp không. “Biết rõ niệm cõi chỉ phân biệt”, tức là trí Hậu đắc nương vào pháp giới mà chuyển, biết rõ niệm cõi chỉ là phân biệt, lìa ngoài phân biệt ra thì không có pháp được niệm, là các pháp được niệm kia của khế kinh, và Ba-la-mật-đa đáng niệm và gồm cả các quả, ví tánh Biến kế sở chấp đều không có. “Dũng mãnh nhanh về bờ biển đức”, là các Bồ-tát do trước đã dần dần tu tập hiện quán, nên Trí vô phân biệt và hậu đắc, có thể nhanh chóng chứng đắc tất cả công đức nơi Phật quả viên mãn. Công đức của địa Như Lai siêu vượt vô biên nhân vị gọi là bờ biển đức. Như có tụng nói:

*Khi chứng tam Bồ-đề,
Mau thành quả viên mãn,
Vượt vô biên biển đức,
Đến vị vô đẳng đẳng.*

“Mau”, là nhanh chóng. Trải qua vô lượng kiếp mới thành quả Phật, thời gian đã lâu, tại sao nói là mau ? Nghĩa này không đúng, thời kiếp lâu xa nhưng chỉ có phân biệt. Như có tụng nói:

*Ở trong mộng là năm,
Ngủ chỉ trong chốc lát,
Tuy thời gian vô lượng,
Nhưng chỉ một sát-na.*

Lại nữa, tinh tấn của Phật rất dũng mãnh, tuy trải qua nhiều kiếp nhưng là ít thời gian. Như có tụng nói:

*Ngủ tu tuy ít thời,
Tâm nghi biếng trễ lâu,
Phật trong vô lượng kiếp,
Cần dũng là chốc lát.*

Dũng mãnh là lực trí huệ, vì thành Trí vô phân biệt và trí Hậu đắc, không có chỗ khiếm sợ nên gọi là dũng mãnh. Tụng này hiển thị nghĩa đạo vị cứu cánh tôn cao tối thắng thứ nhất

